

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bò Quốc Khánh;

Ông Huỳnh Sơn Tây.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Đức Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐH-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1980; địa chỉ: Số D, đường B N, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số D, đường B N, khu phố D, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Quốc Hoàng H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số F, đường Đ, tổ A, khu phố E, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương (Nay là ấp E, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2024 và Bản tự khai ngày 29/5/2025, nguyên đơn bà Trần Thị Kim A trình bày:

Bà A và ông Nguyễn Quốc Hoàng H tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 3 năm. Được sự đồng ý của gia đình hai bên, bà và ông H tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 02/5/2012 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H không chăm lo cho gia

đình. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân đến nay khoảng 2 năm. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Quốc K, sinh ngày 01/8/2014. Bà A đề nghị được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc Hoàng H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà A.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà A nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông H. Ông H có hộ khẩu thường trú tại số F, đường Đ, tổ A, khu phố E, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương (Nay là ấp E, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, yêu cầu khởi kiện của bà A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông H quen biết, tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49 ngày 02/5/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng: Bà A xin ly hôn với ông H vì cho rằng ông H không chăm lo cho gia đình; vợ chồng đã ly thân khoảng 2 năm. Ông H đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà A xin ly hôn và giấy triệu tập đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông H không đến Toà án và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này thể hiện, ông H không quan tâm, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và nuôi dạy con cái.

Kết quả xác minh ngày 29/5/2025 của Toà án tại Ủy ban nhân dân thị trấn T cho thấy, ông H có đăng ký thường trú tại thị trấn T nhưng hiện không có mặt tại địa phương và không đăng ký tạm trú tại nơi khác. Đại diện chính quyền địa phương không rõ về tình trạng hôn nhân của ông H do vợ chồng ông không có cư trú tại địa phương. Qua đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống hôn nhân không có trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A xin ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Quốc K, sinh ngày 01/8/2014. Bà A yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung. Từ khi vợ chồng ly thân, bà A là người trực tiếp nuôi con; Bản tự khai ngày 29/5/2025, cháu K có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà A phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2025;

Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim A đối với ông Nguyễn Quốc Hoàng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim A được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Hoàng H.

- Về con chung: Bà Trần Thị Kim A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Quốc K, sinh ngày 01/8/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Kim A và Nguyễn Quốc Hoàng H đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Kim A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004027 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là Thi hành án Dân sự Thành phố H).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 17, TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- P.THADS Khu vực 17, TP. Hồ Chí Minh
- UBND p.Long Bình, TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huế